

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-PT
Ngày 02-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Ánh Tuyết

Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 83/2019/QĐ-PT ngày 19/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 3, phường HT, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Anh P, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Tôn Đức Thắng, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận

(Theo văn bản ủy quyền ngày 15/01/2018)

- Bị đơn:

1. Ông Châu Văn B, sinh năm 1953 (có mặt)

2. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1958 (có mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố 1, phường PH, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn B – Luật sư Văn phòng luật sư PT thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Trường S, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 3, phường HT, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Anh P, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Tôn Đức Thắng, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận

(Theo văn bản ủy quyền ngày 15/01/2018)

2. Ông Châu Huỳnh Đông N, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn XH, xã PN, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận

- *Người làm chứng:*

1. Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn XH, xã PN, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận

2. Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1981 (có mặt)

3. Ông Cao Thanh T, sinh năm 1990 (có mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố 1, phường PH, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – ông Châu Văn B, bà Huỳnh Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Ngọc Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trường S – ông Nguyễn Anh P trình bày: Bà Đỗ Thị L là vợ của ông Nguyễn Ngọc Đ. Bà L đã chết vào ngày 29/10/2017. Bà L có cha là ông Đỗ Văn T (chết năm 1989) và mẹ là bà Phạm Thị T (chết năm 1967). Ông Đ và bà L có một người con ruột duy nhất là Nguyễn Trường S, ngoài ra không có cha mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi nào khác.

Vào ngày 25/10/2012, ông Đ và bà L có cho vợ chồng ông B, bà C vay 200.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 6.000.000đồng/tháng, thời hạn vay 11 tháng, tính từ ngày 25/10/2012 đến ngày 25/9/2013.

Từ ngày vay đến nay, ông B và bà C đã trả được 10.000.000đồng tiền gốc, còn nợ 190.000.000đồng, chưa trả tiền lãi, mặc dù trong giấy vay tiền ghi lãi suất hàng tháng 6.000.000đồng nhưng ông B và bà C không thực hiện.

Mục đích cho ông B, bà C vay tiền là để mua xe tải làm ăn. Từ ngày vay đến nay, ông Đ thường xuyên yêu cầu vợ chồng ông B, bà C trả tiền gốc và lãi nhưng ông B, bà C không trả mà nại do làm ăn khó khăn nên không có tiền trả. Do đó, vào tháng 5/2017, ông Đ khiếu nại vợ chồng ông B ra UBND phường PH và chỉ yêu cầu trả tiền gốc, không yêu cầu trả lãi vì theo tư vấn thời hạn quá lâu, hết thời hiệu về lãi nên không yêu cầu trả lãi. Tại phường PH, ông B cam kết trả cho ông Đ mỗi tháng 5.000.000đồng vào ngày 01 hàng tháng, trả trong thời gian 40 tháng, kể từ ngày 01/6/2017. Sau đó, vào tháng 7 và tháng 8 năm 2017, vợ chồng ông B có trả cho ông Đ được 10.000.000đồng tiền gốc. Từ tháng 9 năm 2017 trở đi vợ chồng ông B không trả nữa.

Nay, ông Đ yêu cầu vợ chồng ông B phải trả cho ông Đ và ông S số tiền gốc 190.000.000đồng và tiền lãi tính từ tháng 9 năm 2017 đến ngày Tòa án xét xử vụ án theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định là 9%/năm, còn tiền lãi suất từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 8 năm 2017 thì ông Đ, ông S không yêu cầu vợ chồng ông B trả.

Về yêu cầu phản tố của ông B và bà C:

Ông Đ có ý kiến là từ trước đến nay, ông Đ và bà L chưa nhận tiền lãi của ông B, bà C. Những người làm chứng do ông B cung cấp là ông Châu Huỳnh Đông N, Nguyễn Huy T, Võ Thị Thu H toàn là người nhà ông B nên lời khai không khách quan và ông Đ cũng không nhận tiền lãi từ những người này. Ông Đ yêu cầu ông B, bà C đưa ra giấy tờ chứng minh vợ chồng ông Đ đã nhận tiền lãi của gia đình ông B. Vì vậy, ông Đ không đồng ý theo yêu cầu phản tố của ông B, bà C.

Bị đơn – vợ chồng ông Châu Văn B, bà Huỳnh Thị C trình bày:

Vợ chồng ông, bà có mối quan hệ kết nghĩa bố mẹ nuôi từ năm 2008 với vợ chồng ông Đ, bà L.

Vào cuối năm 2008, đầu năm 2009, vợ chồng ông Đ có cho vợ chồng ông, bà mượn một cuốn sổ đỏ để vay ngân hàng mua xe ô tô.

Năm 2012, vợ chồng ông Đ đòi sổ này để sửa nhà, vợ chồng ông, bà có nói thời hạn vay 05 năm mà mới hơn 02 năm đã đòi thì chưa có sổ trả, sau đó ông Đ gặp ông, bà nhiều lần hỏi nếu lấy sổ đỏ ra thì phải trả cho ngân hàng bao nhiêu tiền. Ông, bà liên hệ với ngân hàng thì ngân hàng bảo phải trả 200.000.000đồng nữa mới lấy sổ về được. Lúc ông, bà vay ngân hàng lãi suất 0,85%/tháng. Ông Đ nói để ông vay dùm 200.000.000đồng, với lãi suất 5%/tháng, nhưng ông, bà không chịu, ông Đ giảm xuống 3%. Do ông Đ nói quá và hứa hẹn làm nhà xong sẽ đưa sổ cho ông, bà vay lại ngân hàng nên ông, bà đồng ý và hai bên có làm giấy vay tiền vào ngày 25/10/2012, vợ chồng ông, bà vay của vợ chồng ông Đ số tiền gốc 200.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất trả hàng tháng là 6.000.000đồng, thời hạn vay 11 tháng, tính từ ngày 25/10/2012 đến ngày 25/9/2013. Giấy này do ông Đ viết.

Đến hạn trả nhưng vợ chồng ông Đ không đòi tiền gốc. Vợ chồng ông Đ nhận lãi thường xuyên của vợ chồng ông, bà tính từ tháng 11 năm 2012 đến tháng 02 năm 2017, mỗi tháng 6.000.000đồng. Còn từ tháng 3/2017, vợ chồng ông, bà đề nghị không trả lãi nữa thì vợ chồng ông Đ đồng ý và chỉ yêu cầu trả gốc. Lúc đó, vợ chồng ông, bà khó khăn chưa trả gốc thì vợ chồng ông Đ khiêu nại ra UBND phường PH và chỉ yêu cầu trả gốc là 200.000.000đồng chia làm 40 tháng, mỗi tháng trả 5.000.000đồng và trả vào ngày 01 hàng tháng. Vợ chồng ông, bà đã trả cho ông Đ được 10.000.000đồng vào tháng 7 và tháng 8 năm 2017. Còn nợ ông Đ tiền gốc 190.000.000đồng. Do khó khăn chưa trả tiếp được thì ông Đ kiện ra tòa.

Nay, vợ chồng ông, bà không đồng ý trả cho ông Đ và ông S số tiền gốc 190.000.000đồng và tiền lãi theo yêu cầu của ông Đ và ông S.

Về yêu cầu phản tố của ông B, bà C:

Về số tiền lãi: Vợ chồng ông, bà đã trả tiền lãi cho vợ chồng ông Đ được 52 tháng, tính từ tháng 11 năm 2012 đến tháng 02 năm 2017 trên số tiền 200.000.000 đồng là 312.000.000đồng (52 tháng x 6.000.000đồng). Trong số tiền này bao gồm cả tiền lãi của Châu Huỳnh Đông N, Nguyễn Huy T, Võ Thị Thu H đã trả cho ông Đ, bà L. Vợ chồng ông, bà có đưa tiền lãi cho bà H (là con dâu) và T (là con rể) đi trả tiền lãi cho bà L và ông Đ, đưa bao nhiêu lần và số tiền bao nhiêu ông bà không nhớ.

Ông Châu Huỳnh Đông N là con trai của ông, bà. Ông N đã trả trực tiếp cho ông Đ, bà L 30.000.000đồng có trong số tiền 312.000.000đồng nói trên. Hiện nay, ông N và vợ chồng ông không tranh chấp đối với số tiền 30.000.000đồng này. Số tiền ông N trả cho ông Đ, bà L coi như ông, bà trả cho bà L, ông Đ.

Việc trả lãi nói trên cho ông Đ, bà L không làm giấy tờ.

Theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì vợ chồng ông, bà chỉ phải trả cho vợ chồng ông Đ theo lãi suất 1,125%/tháng là 117.000.000 đồng (200.000.000đồng x 1,125% x 52 tháng).

Như vậy, vợ chồng ông, bà đã trả tiền lãi vượt quá theo quy định của pháp luật là 195.000.000đồng.

Nay, vợ chồng ông, bà phản tố số tiền 195.000.000 đồng, yêu cầu ông Đ và ông S phải trả lại để trừ vào số tiền gốc còn nợ ông Đ. Như vậy, ông Đ và ông S phải trả lại cho ông, bà 5.000.000đồng (195.000.000đồng – 190.000.000 đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Châu Huỳnh Đông N trình bày:

Ông có biết ba mẹ ông có vay 200.000.000đồng của ông Đ, bà L, vay có lãi suất 6.000.000đồng/tháng. Hai bên có làm giấy tờ.

Từ đầu năm 2013 đến cuối năm 2016, gia đình ông gồm ông, vợ ông là Võ Thị Thu H, ba là ông B, mẹ là bà C, em rể là Nguyễn Huy T đều mang tiền lãi đến trả đều đều cho ông Đ theo như cam kết 6.000.000đồng/tháng, nghĩa là tháng nào

cũng trả tiền lãi cho ông Đ và bà L, cứ mỗi tháng trả 6.000.000đồng. Về phần ông, ông có trả trực tiếp lúc trả cho ông Đ, lúc trả cho bà L, trả ở quán cà phê ở đường Hùng Vương, ông trả tiền lãi được ba tháng là 18.000.000đồng vào khoảng năm 2014. Và trả tiền lãi cho bà L được hai tháng là 12.000.000đồng. Lúc trả không làm giấy tờ.

Khi bà L còn sống, hai bên có thống nhất không tính lãi từ năm 2017 và chỉ trả tiền gốc là 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã quyết định:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 262; khoản 1 Điều 147; khoản 1, 4 Điều 91; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 1 Điều 476 và khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468, điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Châu Văn B và bà Huỳnh Thị C phải trả cho ông Nguyễn Ngọc Đ và ông Nguyễn Trường S số tiền 208.240.000đồng (*Hai trăm lẻ tám triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*), trong đó có 190.000.000đồng tiền vay gốc và 18.240.000đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Châu Văn B và bà Huỳnh Thị C đối với số tiền 195.000.000đồng (*Một trăm chín mươi lăm triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/10/2018, bị đơn – Châu Văn B, Huỳnh Thị C kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người kháng cáo – bị đơn Châu Văn B, Huỳnh Thị C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Bị đơn và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có ý

kiến trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, khấu trừ số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn nhiều hơn quy định của pháp luật là 195.000.000đồng vào số tiền gốc 190.000.000đồng, buộc nguyên đơn trả lại cho bị đơn 5.000.000đồng

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Châu Huỳnh Đông N: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Do bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất thừa nhận: Vào ngày 25/10/2012, ông Đ và bà L có cho vợ chồng ông B, bà C vay 200.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 6.000.000đồng/tháng, thời hạn vay 11 tháng, tính từ ngày 25/10/2012 đến ngày 25/9/2013, hai bên có làm giấy vay. Quá trình vay, vợ chồng ông B, bà C đã trả được 10.000.000đồng tiền nợ gốc.

[2] Tuy nhiên, bị đơn cho rằng quá trình vay tiền, ngoài số tiền gốc 10.000.000đồng đã trả, vợ chồng bị đơn còn trả lãi cho nguyên đơn từ tháng 11/2012 đến tháng 02/2017 (52 tháng), mỗi tháng 6.000.000đồng, thành tiền là 312.000.000đồng. Quá trình trả lãi, lúc thì trực tiếp vợ chồng bị đơn trả, lúc do các con là Võ Thị Thu H, Châu Huỳnh Đông N, Nguyễn Huy T trả. Do đó, bị đơn phản tố đề nghị tính lại tiền lãi, số tiền lãi đã trả vượt quy định đề nghị trừ vào số tiền gốc, cụ thể: Theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì vợ chồng bị đơn chỉ phải trả lãi 117.000.000đồng (52 tháng x 200.000.000đồng x 1,125%/tháng), bị đơn đã trả 312.000.000đồng tiền lãi, nên trừ 117.000.000đồng tiền lãi phải trả theo quy định và tiền nợ gốc còn 190.000.000đồng, yêu cầu phía nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn 5.000.000đồng.

[3] Xét ý kiến của hai bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự:

“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp, ...

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”

Như vậy, vợ chồng bị đơn thừa nhận có vay và hiện còn nợ vợ chồng nguyên đơn 190.000.000đồng gốc như lời khai của nguyên đơn; và cho rằng đã trả lãi cho nguyên đơn từ tháng 11/2012 đến tháng 02/2017, mỗi tháng 6.000.000đồng, thành tiền là 312.000.000đồng, nhưng lại không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho việc trả lãi này. Trong khi đó, phía nguyên đơn không thừa nhận có việc trả lãi như bị đơn khai.

[4] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả cho phía nguyên đơn 190.000.000đồng tiền nợ gốc như thừa nhận của bị đơn và tiền lãi tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo cam kết (02/9/2017) đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định 0,75%/tháng, thành tiền 18.240.000đồng là hoàn toàn có căn cứ.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên vợ chồng bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, vợ chồng bị đơn trên 60 tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Châu Văn B và bà Huỳnh Thị C; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân

dân thành phố Phan Thiết.

2. Áp dụng: Điều 471, khoản 1 Điều 476 và khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468, điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Châu Văn B và bà Huỳnh Thị C phải trả cho ông Nguyễn Ngọc Đ và ông Nguyễn Trường S 208.240.000đồng (*Hai trăm lẻ tám triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*), trong đó có 190.000.000đồng tiền vay gốc và 18.240.000đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Châu Văn B và bà Huỳnh Thị C đối với số tiền 195.000.000đồng (*Một trăm chín mươi lăm triệu đồng*).

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Châu Văn B và bà Huỳnh Thị C.

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Ngọc Đ 4.910.000đồng (*Bốn triệu, chín trăm mười nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0020148 ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

- Hoàn trả lại cho ông Châu Văn B, bà Huỳnh Thị C 2.437.500đồng (*Hai triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp ngày 06/3/2018 theo biên lai thu tiền số 0020387 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (02/5/2019).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi thành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND TP P.Thiết;
- VKSND TP P.Thiết;
- Chi cục THADS TP P.Thiết;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái